

PHỤ LỤC 01

PHỤ LỤC ĐƠN GIÁ KHỞI ĐIỂM CHO THUÊ NHÀ, ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN XÃ BA VINH

(Kèm theo Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Ba Vinh)

ĐVT: Đồng

STT	Cơ sở nhà đất	Địa chỉ	Nguyên giá (đồng)	Giá trị hao mòn hàng năm của nhà (G _{hm}) (đồng)	Giá thuê đất (G _{td}) (đồng)	Diện tích đất (S _{đất}) (m ²)	Diện tích nhà(S _{nh}) (m ²)	$G_{thuê} = ((G_{hm} + (G_{td} \times S_{đất})) / S_{nh}) \times (100\% + 10\%)$ (đồng/m ² /năm)	Tổng giá thuê nhà/ năm (đồng/năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Công trình sự nghiệp - Điểm trường thôn Phân Vinh	Thôn Nước Y, xã Ba Vinh, tỉnh Quảng Ngãi	199.368.000	9.968.400	400,00	352,00	48,00	231.669,17	11.120.120	Nhà hư hỏng, xuống cấp (cho thuê 2 năm)
2	Công trình sự nghiệp - Trường Mầm non Ba Vinh, Thôn Làng Huy (Điểm trường thôn Nước Gia cũ)	Thôn Cao Muôn, xã Ba Vinh, tỉnh Quảng Ngãi	438.539.000	29.250.551	200,00	347,00	75,20	428.882,27	32.251.946	Nhà hư hỏng, xuống cấp (cho thuê 2 năm)
3	Trạm Y tế xã Ba Vinh (cũ)	Thôn Nước Y, xã Ba Vinh, tỉnh Quảng Ngãi	58.000.000	2.900.000	325,00	385,00	54,00	61.622,92	3.327.638	Nhà hư hỏng, xuống cấp (cho thuê 2 năm)

PHỤ LỤC 02
PHỤ LỤC ĐƠN GIÁ KHỞI ĐIỂM CHO THUÊ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN XÃ BA VINH
(Kèm theo Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Ba Vinh)

DVT: Đồng

STT	Cơ sở nhà đất	Địa chỉ	Giá đất tính tiền thuê đất được tính theo giá đất trong Bảng giá đất được quy định tại Nghị quyết số 40/2025/NQ -HĐND ngày 30/12/2025 (đồng)	Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất một năm	Diện tích đất (Sđất) (m2)	Đơn giá thuê đất hằng năm (đồng/năm)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(6)		(7)	(10)	(11)
1	Công trình sự nghiệp - Trường Mầm non Ba Vinh, Thôn Ba Sơn (Điểm trường thôn Nước Nê cũ)	Thôn Ba Sơn, xã Ba Vinh, tỉnh Quảng Ngãi	160.000	0,25%	289,00	115.600	Không có tài sản trên đất